Vietcombank



BÁO CÁO PHÂN BỔ NGUỒN VỐN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA TRÁI PHIẾU BỀN VỮNG

VIETCOMBANK SUSTAINABILITY BOND ALLOCATION AND IMPACT REPORT

Tháng 10, 2026
October, 2026

VÌ MỘT TƯƠNG LAI
BỀN VỮNG

MỤC LỤC

Table of content

1 **TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HÀNH TRÌNH ESG** 03
Sustainability overview and ESG journey

2 **KHUNG TRÁI PHIẾU BỀN VỮNG CỦA VIETCOMBANK** 09
Vietcombank's Sustainability Bond Framework

3 **THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU BỀN VỮNG VIETCOMBANK PHÁT HÀNH** 12
Sustainability Bond issuance information

4 **BÁO CÁO PHÂN BỔ NGUỒN VỐN** 14
Allocation Report

5 **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG** 18
Impact Report

6 **ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP** 23
External Review

PHẦN 1
PART 1

Tổng quan phát triển bền vững và hành trình ESG

Sustainability overview and ESG journey



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

STRATEGIC DIRECTION

Vietcombank xác định phát triển bền vững không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là trọng tâm trong chiến lược hoạt động, giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị rủi ro hiệu quả và tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng chịu nhiều áp lực từ biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội và các yêu cầu về quản trị doanh nghiệp minh bạch, Vietcombank cam kết tích hợp các yếu tố Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường; đồng hành cùng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong triển khai Đề án Ngân hàng Xanh, hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Vietcombank định hướng đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh; phát triển xanh và bền vững. Phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính lớn nhất Việt Nam, một trong 200 tập đoàn tài chính lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất thế giới, đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Vietcombank views sustainable development not only as an inevitable trend but also as a core focus of its operational strategy. This commitment enhances the bank's competitive edge, enables effective risk management, and creates long-term value for customers, shareholders, and the community.

In the context of a global economy increasingly pressured by climate change, social inequality, and demands for transparent corporate governance, Vietcombank is dedicated to integrating Environmental, Social, and Governance (ESG) factors into its development strategy. This ensures a balance between economic growth, social responsibility, and environmental protection, while collaborating with the government and the State Bank of Vietnam to implement the Green Banking Initiative, aiming for net-zero emissions by 2050.

Vietcombank aims to accelerate innovation and digital transformation, enhance operational quality and efficiency, and strengthen its competitiveness, while advancing green and sustainable development. The bank aspires to become the largest financial group in Vietnam, rank among the world's top 200 financial institutions, and be included among the 700 largest listed companies globally - thereby making a meaningful contribution to Vietnam's sustainable development.

5 TRỤ CỘT ESG

5 ESG PILLARS

Vietcombank đặt tính bền vững là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn của Ngân hàng và phấn đấu trở thành ngân hàng dẫn đầu về ESG thông qua 5 trụ cột chính.

Vietcombank considers sustainability a key element in the Bank's long-term development strategy and strives to become a leading bank in ESG through 5 main pillars.

1

Năng lực tài chính bền vững

Sustainable financial capacity

Không ngừng nâng cao năng lực tài chính để tạo động lực phát triển ổn định, bền vững và đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông và đối tác.

Continuously upgrade financial capacity to create momentum for stable and sustainable development and ensure the interests of customers, shareholders and partners.

2

Quản trị rủi ro ESG

ESG risk management

Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị.

Improve the environmental, social and governance risk management system.

3

Gắn kết các bên liên quan

Stakeholder engagement

Xây dựng cơ chế đối thoại và hợp tác chặt chẽ với khách hàng, nhà đầu tư và các đối tác chiến lược để thúc đẩy thực hành ESG.

Build a dialogue mechanism and closely cooperate with customers, investors and strategic partners to promote ESG practices.



4

Tiệm cận chuẩn mực quốc tế

Alignment with international standards

Hướng tới việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế (GRI, TCFD) về phát triển bền vững.

Aim to meet international standards (GRI, TCFD) on sustainable development.

5

Sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bền vững

Sustainable banking products and services

Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại theo hướng bền vững.

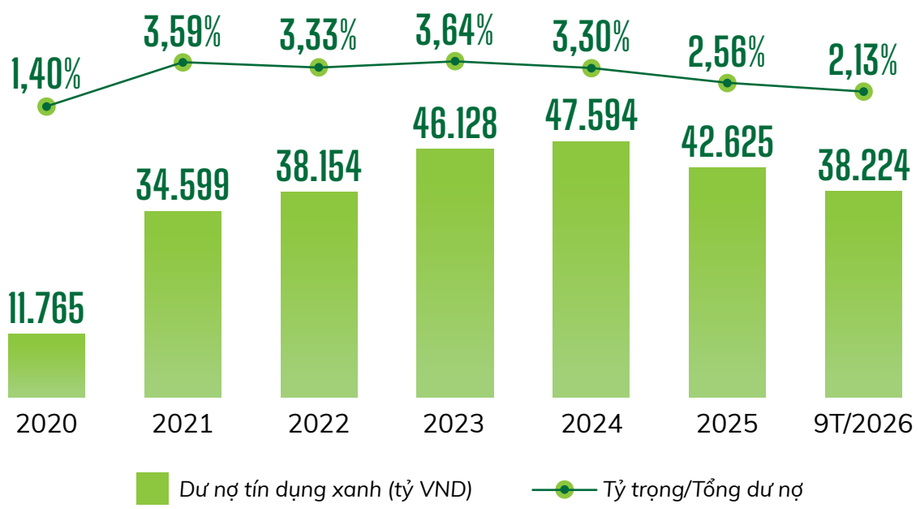
Continue to research and develop modern banking products and services in a sustainable direction.

ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH

GREEN CREDIT

Dư nợ tín dụng xanh (tỷ VND) và tỷ trọng/tổng dư nợ

Green Loans (VND bn) and share of totals loans



38.224 tỷ VND / *VND bn*

dư nợ tín dụng xanh tại 30/09/2026, gấp hơn 3 lần năm 2020

green loans at 30 September 2026, over 3x the 2020 level

22% CAGR 2020 – 9T/2026

tăng trưởng kép dư nợ tín dụng xanh

compound annual growth of green loans

60,9% 9T/2026

dư nợ xanh thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo

of green loans in renewable energy

ĐÓNG GÓP ĐẶC BIỆT CHO CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

SOCIAL LOAN

10

chương trình ưu đãi, lãi suất từ 2-5%/năm

special lending programs and policies offering interest rates as low as 2% to 5% per annum

~800.000 tỷ VND / *VND bn*

quy mô dư nợ hỗ trợ đến 30/09/2026

supported loan balance (30/09/2026: VND ~800,000bn)

7.100 khách hàng / *customers*

được tiếp cận vốn với chi phí ưu đãi

benefited from preferential-rate lending (up to 30/09/2026)



MỘT SỐ DẤU MỐC QUAN TRỌNG

SUSTAINABILITY AND ESG BOND MILESTONES

2023

Đưa quy định quản lý rủi ro môi trường vào Chính sách quản lý rủi ro tín dụng.

Environmental risk management embedded in the Credit Risk Policy.

8/2024

Phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu xanh, ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tuân thủ pháp luật Việt Nam và ICMA; S&P xếp hạng "Medium Green".

Issued VND 2,000bn green bond, the first bank in Vietnam to comply with Vietnamese law and ICMA; rated "Medium Green" by S&P.

11/2024

Top 20 Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM công bố lần thứ 4 liên tiếp.
Top 50 Doanh nghiệp dẫn đầu về ESG Việt Nam 2026 do Forbes công bố.

Top 20 in the Vietnam Sustainable Development Index (VNSI) published by the Ho Chi Minh City Stock Exchange for the fourth consecutive year.

Top 50 Leading ESG Companies in Vietnam 2026 as announced by Forbes.

12/2025

Vietcombank Tower TP.HCM đạt LEED Platinum và danh hiệu Doanh nghiệp xanh TP.HCM.

Vietcombank Tower (HCMC) was awarded LEED Platinum, and HCMC Green Business recognition.

2026

Phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu bền vững; SPO của Sustainable Fitch xếp hạng "Tốt" (Good).

Issued VND 2,000bn sustainability bond; Sustainable Fitch SPO rating "Good".

PHẦN 2 PART

Khung trái phiếu bền vững của Vietcombank

Vietcombank's Sustainability Bond Framework

Khung Trái phiếu Bền vững hiện thực hóa cam kết của Vietcombank về phát triển bền vững, ưu tiên tăng trưởng tín dụng xanh và đóng góp vào mục tiêu phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050. Khung tương thích với các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc; trái phiếu bền vững của Vietcombank phát hành theo Khung tuân thủ Nguyên tắc Trái phiếu Xanh 2025, Nguyên tắc Trái phiếu Xã hội 2025 và Hướng dẫn Trái phiếu Bền vững 2021 của ICMA.

The Sustainability Bond Framework puts into practice Vietcombank's commitment to sustainable development, prioritizing green credit growth and contributing to Vietnam's net-zero goal by 2050. It aligns with the UN SDGs; bonds issued under it comply with the ICMA Green Bond Principles 2025, Social Bond Principles 2025 and Sustainability Bond Guidelines 2021.



BỐN TRỤ CỘT CỦA KHUNG TRÁI PHIẾU BỀN VỮNG

FOUR CORE COMPONENTS

1 Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu

Use of proceeds

Vietcombank sử dụng nguồn vốn từ Trái phiếu Bền vững để tài trợ và tái tài trợ các khoản vay cho các Dự án Đủ Điều Kiện theo Khung Trái phiếu Bền vững.

Vietcombank uses proceeds from Sustainable Bonds to finance and refinance loans for Eligible Projects under its Sustainable Bond Framework.

2 Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án

Project evaluation and selection

Các Dự án Đủ Điều Kiện phải đáp ứng đồng thời quy trình đánh giá và lựa chọn dự án theo Khung Trái phiếu Bền vững và quy trình cấp tín dụng của Vietcombank.

Eligible Projects must comply with both the project evaluation and selection process under the Sustainable Bond Framework and Vietcombank's credit approval process.

3 Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu

Management of proceeds

Vietcombank theo dõi việc phân bổ và sử dụng nguồn vốn cho các Dự án Đủ Điều Kiện.

Vietcombank monitors the allocation and use of proceeds for Eligible Projects.

4 Báo cáo

Reporting

Vietcombank công bố định kỳ thông tin về việc sử dụng nguồn vốn từ Trái phiếu Bền vững đến khi trái phiếu đáo hạn hoặc được mua lại.

Vietcombank provides periodic reporting on the use of Sustainable Bond proceeds until the bonds mature or are redeemed.

BÁO CÁO SAU PHÁT HÀNH

POST-ISSUANCE REPORTING

Định kỳ hằng năm cho đến khi trái phiếu đáo hạn hoặc được mua lại, và khi phát sinh sự kiện trọng yếu ảnh hưởng đến việc sử dụng vốn, Vietcombank công bố các báo cáo liên quan.

Annually until maturity or redemption, and upon material events affecting the use of proceeds, Vietcombank will disclose reports on the Bonds.

1 Báo cáo phân bổ nguồn vốn

Allocation Reporting

Vietcombank thực hiện báo cáo phân bổ nguồn vốn trái phiếu bền vững định kỳ hàng năm. Báo cáo được tổ chức độc lập và uy tín thực hiện đánh giá bên ngoài theo hình thức Ý kiến của bên thứ hai để đánh giá khách quan việc phân bổ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu cho các Dự Án Đủ Điều Kiện; kỳ đánh giá đầu tiên được thực hiện trong vòng 01 năm kể từ ngày phát hành.

Vietcombank publishes the Sustainable Bond Allocation report annually, which is independently reviewed by a reputable external party through a Second-Party Opinion (SPO) to verify the allocation of bond proceeds to Eligible Projects. The first review is conducted within one year of issuance.

2 Báo cáo đánh giá tác động

Impact Reporting

Tùy tình hình thực tế, tính sẵn sàng của dữ liệu và thỏa thuận với khách hàng, Vietcombank cung cấp báo cáo định tính và/hoặc định lượng về tác động môi trường, xã hội của các Dự Án Đủ Điều Kiện, theo thông lệ tốt nhất và các chỉ số tại Phụ lục 01 của Khung trái phiếu bền vững.

Subject to circumstances, data availability and customer agreements, Vietcombank will provide qualitative and/or quantitative reporting of the environmental and social impacts of Eligible Projects, based on best practice and the indicators in Appendix 01 of Vietcombank Sustainability Bond Framework.

PHẦN 3
PART

Thông tin về trái phiếu bền vững Vietcombank phát hành

Sustainability Bond issuance information

Ngày 18/12/2025, Vietcombank đã phát hành 2.000 tỷ đồng Trái phiếu Bền vững theo Khung Trái phiếu Bền vững. Đây là bước tiếp nối sau đợt phát hành 2.000 tỷ đồng Trái phiếu Xanh năm 2024. Vietcombank và Trái phiếu bền vững của Vietcombank phát hành được Công ty cổ phần Xếp hạng tín nhiệm FiinRatings xếp hạng tín nhiệm lần đầu và duy trì xếp hạng ở lần cập nhật gần nhất ở mức "AAA", triển vọng "Ổn định" đối với Tổ chức phát hành và Trái phiếu phát hành, là mức xếp hạng cao nhất trong thang xếp hạng của FiinRatings và bằng xếp hạng tín nhiệm quốc gia Việt Nam.

On 18 December 2025, Vietcombank successfully issued VND 2 trillion of Sustainability Bonds under its Sustainability Bond Framework. This issuance follows the Bank's successful issuance of VND 2 trillion of Green Bonds in 2024. Vietcombank and its Sustainability Bonds received an inaugural credit rating from FiinRatings and, in the most recent rating review, both were affirmed at "AAA" with a "Stable" outlook. This is the highest level on FiinRatings' rating scale and is equivalent to Vietnam's national credit rating.



Thông tin chi tiết về trái phiếu bền vững Vietcombank đã phát hành như sau:

Details of the Sustainability Bonds issued by Vietcombank are presented below:

Nội dung / *Item*	**Thông tin** / *Information*
Tên trái phiếu *Bond name*	**Trái phiếu bền vững Vietcombank 2025** *Vietcombank Sustainability Bond 2025*
Mã trái phiếu *Bond code*	**VCB12501**
Ngày phát hành *Issue date*	**18/12/2025**
Ngày đáo hạn *Maturity date*	**18/12/2027**
Kỳ hạn *Tenor*	**2 năm** *2 years*
Khối lượng phát hành *Issue size*	**2.000.000.000.000 VND** *2,000,000,000,000 VND*
Mệnh giá *Face value*	**1.000.000.000 VND** *1,000,000,000 VND*
Phương thức trả lãi *Interest Payment Method*	**Định kỳ** *Periodically*
Kỳ hạn trả lãi *Interest Payment Frequency*	**12 tháng** *12 months*
Đồng tiền *Currency*	**VND** *VND*
Lãi suất *Coupon*	**5,8%/năm** *5.8%/year*
Hình thức phát hành *Offering method*	**Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ** *The bonds are issued in book-entry form.*
SPO *External assessment*	**Tốt - mức cao thứ hai trong khung đánh giá của Sustainable Fitch.** *Good - the second-highest level in Sustainable Fitch's assessment framework.*

PHẦN

PART 4

Báo cáo phân bổ nguồn vốn

Allocation Report

Vietcombank thực hiện Báo cáo phân bổ nguồn vốn định kỳ hằng năm theo Khung Trái phiếu Bền vững để báo cáo việc phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu cho các Dự án Đủ Điều Kiện. Báo cáo phân bổ nguồn vốn cung cấp thông tin về quy mô nguồn vốn đã được phân bổ, cũng như các lĩnh vực và danh mục dự án đủ điều kiện được tài trợ từ nguồn vốn huy động. Báo cáo được đánh giá độc lập bởi S&P Global.

Đồng thời, Vietcombank thực hiện báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu định kỳ hàng năm và bán niên theo quy định pháp luật Việt Nam và được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán E&Y.

Vietcombank prepares an annual Allocation Report to disclose the allocation of proceeds from the Bond issuance to Eligible Projects. The Allocation Report provides information on the amount of proceeds allocated, as well as the sectors and categories of eligible projects financed through the bond proceeds. The report is independently reviewed by S&P Global.

In addition, Vietcombank prepares annual and semi-annual Reports on the Use of Bond Proceeds in accordance with Vietnamese regulations. These reports are independently audited by EY.



Sau đây là tổng hợp về thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu bền vững tuân thủ theo các nguyên tắc được nêu tại Khung Trái phiếu bền vững của Vietcombank tại ngày 30/09/2026.

Presented below is a summary of the allocation of proceeds from Vietcombank's Sustainability Bond issuance as of 30 September 2026, demonstrating compliance with the principles and requirements established under Vietcombank's Sustainability Bond Framework.

Tổng quan phân bổ

Allocation at a glance

Chỉ tiêu *Metric*	Giá trị (tỷ VNĐ) *Value (VND bn)*	Tỷ lệ *%*
Tổng số tiền thu được *Total proceeds*	**2.000**	**100%**
Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được phân bổ vào Dự án đủ điều kiện *Allocated proceeds*	**1.818**	**90,9%**
Số tiền còn lại chưa được phân bổ được giữ dưới dạng tiền mặt, các khoản tương đương tiền hoặc gửi tại NHNN hoặc các TCTD khác *Unallocated proceeds*	**182**	**9,1%**

Chú thích / Note:

- Vietcombank sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu cho các Dự Án Đủ Điều Kiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

  Vietcombank will utilize Proceeds from Bonds to Eligible Projects within a maximum of 24 months since the issuance date.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu nếu chưa được sử dụng sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt, hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác, hoặc các khoản tương đương tiền.

  Any proceeds that have not yet been utilized will be temporarily held in cash, deposited with agent banks, including the State Bank of Vietnam and/or other credit institutions, or invested in cash-equivalent instruments.

Phân bổ theo lĩnh vực dự án đủ điều kiện

Allocation by Eligible Project Category

Lĩnh vực *Eligible Project Categories*	Năng lượng tái tạo, năng lượng mới *Renewable Energy, New Energy*	Giao thông bền vững *Sustainable transport*	Nhà ở xã hội *Affordable Housing*	Tổng *Total*
Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được phân bổ vào Dự án đủ điều kiện *Allocated proceeds (tỷ đồng / VND bn)*	**745**	**342**	**731**	**1.818**
Tỷ trọng trên tổng dư nợ *Share of total allocated proceeds (%)*	**41,0**	**18,8**	**40,2**	**100**





Lĩnh vực *Eligible Project Categories*	**Mục tiêu PTBV của LHQ** *UN Sustainable Development Goals*	**Chỉ số tác động** *Impact indicators*	**Tác động ước tính theo số vốn được phân bổ** *Estimated impact based on allocated proceeds*	**Tiến độ dự án**[1] *Project progress*
Năng lượng tái tạo, năng lượng mới *Renewable Energy, New Energy*	• Năng lượng sạch với giá thành hợp lý (SDG 7); *Affordable and clean energy (SDG 7);* • Hành động về khí hậu (SDG 13). *Climate action (SDG 13).*	Công suất dự kiến của dự án năng lượng tái tạo (MW) *Expected capacity of renewable energy projects (MW)*	30 MW	Chưa vận hành *Not yet in operation*
Giao thông bền vững *Sustainable transport*	• Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng (SDG 9); *Industry, innovation and infrastructure (SDG 9);* • Các thành phố và cộng đồng bền vững (SDG 11); *Sustainable cities and communities (SDG 11);* • Hành động về khí hậu (SDG 13). *Climate action (SDG 13).*	Lượng khí nhà kính (GHG) giảm thiểu/ tránh được hàng năm tính bằng tấn CO_2 tương đương (tCO_2e). *Annual GHG emissions reduced/avoided in tonnes of CO_2 equivalent (tCO_2e)*	2.327,69[2] (tCO_2e)	Đang vận hành *In operation*

1. Tiến độ dự án tại thời điểm 30/09/2026. Riêng dự án Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chưa bước vào giai đoạn vận hành và có công suất phát điện.
   Project status as at 30/09/2026. The renewable energy and clean energy project has not yet entered the operation phase or started generating power.
2. Dữ liệu làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.
   Data rounded to two decimal places.

Lĩnh vực *Eligible Project Categories*	**Mục tiêu PTBV của LHQ** *UN Sustainable Development Goals*	**Chỉ số tác động** *Impact indicators*	**Tác động ước tính theo số vốn được phân bổ** *Estimated impact based on allocated proceeds*	**Tiến độ dự án[1]** *Project progress*
Nhà ở xã hội *Affordable Housing*	• Giảm bất bình đẳng (SDG 10); *Reduced inequalities (SDG 10);* • Các thành phố và cộng đồng bền vững (SDG 11). *Sustainable cities and communities (SDG 11).*	Số lượng căn hộ nhà ở xã hội xây mới *Number of newly built affordable housing units*	2.042 (căn hộ) *2,042 (units)*	Đang vận hành *In operation*



Chỉ số tác động của các Dự án được xác định như sau:

Dự án Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch: Công suất dự án căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư cấp bởi UBND Tỉnh.

Dự án Giao thông bền vững: Lượng khí thải nhà kính (GHG) giảm thiểu/tránh được của dự án giai đoạn 01/01/2026 – 30/09/2026 tính bằng tấn CO_2 tương đương (tCO_2e) = Lượng phát thải khi vận chuyển bằng xe buýt diesel – Lượng phát thải do hoạt động sạc điện cho xe buýt điện = 5.676,22 – 3.348,53 = 2.327,69 tCO_2e. Trong đó, các cấu phần để xác định chỉ số cụ thể như sau:

- Lượng phát thải khi vận chuyển bằng xe buýt diesel[3] = ∑ [Quãng đường thực tế của từng loại xe/100 × Mức tiêu thụ nhiên liệu theo định mức của loại xe tương ứng] × Nhiệt trị thấp (NCV) của dầu diesel × Hệ số phát thải CO_2 của dầu diesel trong Giao thông vận tải đường bộ = 5.676,22 tCO_2. Các thông số chi tiết đã sử dụng để xác định cấu phần của chỉ số như sau:
  - Quãng đường thực tế của từng loại xe theo hồ sơ doanh nghiệp theo dõi dữ liệu quãng đường của tổng số xe chạy thực tế. Theo đó: xe lớn: 1.812.757 km; xe trung bình: 5.019.942 km; xe nhỏ: 1.132.692 km.

The impact indicators of the Projects are determined as follows:

Renewable energy and clean energy projects: *Project capacity is based on the Investment Registration Certificate issued by the Provincial People's Committee.*

Sustainable transport projects: *GHG emissions reduced/avoided by the project for the period 01/01/2026 – 30/09/2026, in tonnes of CO_2 equivalent (tCO_2e) = Emissions from transportation by diesel buses – Emissions from charging electric buses = 5,676.22 – 3,348.53 = 2,327.69 tCO_2e. The components used to determine the indicator are as follows:*

- *Emissions from transportation by diesel buses = ∑ [Actual distance travelled by each vehicle type/100 × Fuel consumption norm of the corresponding vehicle type] × Net calorific value (NCV) of diesel oil × CO_2 emission factor of diesel oil in road transport = 5,676.22 tCO_2. The detailed parameters used to determine this component are as follows:*
  - *Actual distance travelled by each vehicle type is based on the company's records tracking the actual mileage of the entire operating fleet: large buses: 1,812,757 km; medium buses: 5,019,942 km; small buses: 1,132,692 km.*

3. Qua làm việc với doanh nghiệp: Doanh nghiệp là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải công cộng thực hiện chuyển đổi toàn bộ phương tiện vận tải hành khách công cộng từ sử dụng xăng, dầu diesel sang sử dụng điện. Phương pháp tính toán chỉ số tác động thực hiện trên giả định rằng nếu không có dự án, toàn bộ quãng đường thực hiện trong kỳ do đội xe cũ (100% nhiên liệu hóa thạch) thực hiện.
   Based on discussions with the company: the company provides public transport services and is converting its entire public passenger fleet from petrol and diesel to electric vehicles. The impact calculation assumes that, in the absence of the project, the entire distance travelled during the period would have been covered by the old fleet (100% fossil fuel).

- Mức tiêu thụ nhiên liệu (tính theo lit/100 km) xác định theo định mức của loại xe lớn, xe trung bình, xe nhỏ lần lượt là 30,6; 27,0; 18,6. Định mức được quy định tại Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 01/03/2017 của UBND TP. Hà Nội.

- Nhiệt trị thấp (NCV) của dầu diesel: 36,12 MJ/lít. Quy đổi từ giá trị nhiệt trị thấp (NCV) của dầu diesel (Gas/Diesel Oil, 43,0 TJ/Gg) theo IPCC 2006[4], với khối lượng riêng 0,84 kg/lít, nằm trong khoảng khối lượng riêng ở 15°C của dầu DO-II (820–860 kg/m³) và DO-V (≤ 845 kg/m³) theo Phiếu an toàn hóa chất dầu diesel của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).

- Hệ số phát thải CO_2 của dầu diesel trong Giao thông vận tải đường bộ: 74.100 kg CO_2/TJ, theo Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022, Phụ lục I.

  - Lượng phát thải do hoạt động sạc điện cho xe buýt điện = Tổng điện năng thực tế[5] sạc cho xe giai đoạn 01/01/2026 – 30/09/2026 (5.412,20 MWh) × Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam mới nhất[6] (0,6187 tCO_2/MWh) = 3.348,53 tCO_2.

Dự án Nhà ở xã hội: chỉ xác định các căn hộ đã thi công xong (bao gồm (i) căn hộ đã bàn giao đến người mua nhà và (ii) căn hộ đã thi công xong và chuẩn bị bàn giao đến người mua nhà).

- *Fuel consumption (litres/100 km) is determined according to the norms for large, medium and small buses of 30.6, 27.0 and 18.6, respectively, as stipulated in Decision No. 1494/QĐ-UBND dated 01/03/2017 of the Hanoi People's Committee.*

- *Net calorific value (NCV) of diesel oil: 36.12 MJ/litre. Converted from the NCV of diesel oil (Gas/Diesel Oil, 43.0 TJ/Gg) under the 2006 IPCC Guidelines, with a density of 0.84 kg/litre, which falls within the density range at 15°C of DO-II (820–860 kg/m³) and DO-V (≤ 845 kg/m³) diesel according to the Safety Data Sheet for diesel oil of the Vietnam National Petroleum Group (Petrolimex).*

- *CO_2 emission factor of diesel oil in road transport: 74,100 kg CO_2/TJ, according to Decision No. 2626/QĐ-BTNMT dated 10/10/2022, Appendix I .*

  - *Emissions from charging electric buses = Total actual electricity charged to the buses for the period 01/01/2026 – 30/09/2026 (5,412.20 MWh) × Latest grid emission factor of Viet Nam (0.6187 tCO_2/MWh) = 3,348.53 tCO_2.*

Affordable housing projects: *only completed units are counted (including (i) units handed over to homebuyers and (ii) units completed and pending handover to homebuyers).*

4. Nguồn tài liệu: https://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/public/2006gl/pdf/2_Volume2/V2_1_Ch1_Introduction.pdf.
   Source: https://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/public/2006gl/pdf/2_Volume2/V2_1_Ch1_Introduction.pdf.
5. Tổng điện năng sạc của các trụ sạc.
   Total electricity delivered by the charging stations.
6. Theo Công văn số 11232/BNNMT-BĐKH ngày 30/09/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Biến đổi khí hậu) V/v công bố kết quả tính toán Hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2024.
   According to Official Letter No. 11232/BNNMT-BĐKH dated 30/09/2026 of the Ministry of Agriculture and Environment (Department of Climate Change), on the announcement of the 2024 grid emission factor of Viet Nam.

PHẦN 6 PART

Đánh giá độc lập

External Review

S&P Global là tổ chức bên ngoài độc lập và uy tín cung cấp dịch vụ đánh giá độc lập báo cáo phân bổ nguồn vốn từ phát hành trái phiếu và báo cáo tác động của Vietcombank để đánh giá tính phù hợp với các cam kết trước phát hành của Vietcombank tại Khung Trái phiếu Bền vững.

S&P Global is an independent and reputable external review provider engaged to conduct independent assessments of Vietcombank's Bond Allocation Report and Impact Report, confirming their alignment with Vietcombank's pre-issuance commitments.





VÌ MỘT TƯƠNG LAI
BỀN VỮNG

Vietcombank

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM

Add: No. 198 Tran Quang Khai Str., Hoan Kiem Ward, Ha Noi, Vietnam
Tel: (+84) 24 3934 3137
Fax: (+84) 24 3826 9067
Swift: BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.vn